TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 20 – 01 – 2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Sơn Hùng
2. Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 516/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị NL, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 23, Ấp VL, xã VB, huyện CT, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 02, Ấp BC, xã BCh, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn chị L trình bày như sau: Năm 2011, chị L và anh H chung sống với nhau nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh. Thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn vì anh H tụ tập bạn bè ăn chơi, bỏ mặc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Lê Thị TV, sinh ngày 04/12/2013. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh H: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị L và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân, về con chung. Từ khi chị L nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh H không quan tâm cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là Lê Thị TV, sinh ngày 04/12/2013. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con thì chị L có đủ điều kiện nuôi con, con chung đang do chị L trực tiếp nuôi, chị L có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp BC, xã BCh, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh H đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị L và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, chị L trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn do anh H không chăm lo cuộc sống gia đình. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến nhưng có cung cấp lời khai xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh H đồng ý ly hôn với chị L. Tại biên bản xác minh, ban ấp cung cấp thông tin giữa anh H và chị L có mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Thực tế, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, chị L xác định kiên quyết ly hôn, do không thể hòa thuận và không thể tiếp tục chung sống với anh H do tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có 01 con chung là có 01 con chung là Lê Thị TV, sinh ngày 04/12/2013. Khi ly hôn, tại biên bản lấy lời khai thì anh H đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi. Chị L có nguyện vọng nuôi con, có điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001352 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị NL được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị TV, sinh ngày 04/12/2013 cho chị Lê Thị NL trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị NL phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001352 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Bình Chánh;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh